

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Giang,
tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định
số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số
44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 và các quy định hiện hành khác có
liên quan;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Hải Dương tại Tờ trình số
104/TTr-SXD ngày 22 tháng 9 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Hồ sơ do Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn lập, Sở Xây dựng thẩm định trình phê duyệt), với các nội dung chính sau:

1. Hồ sơ:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Ninh Giang.
- Đơn vị tư vấn: Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng Hải Dương.
- Hồ sơ gồm: 10 bản vẽ quy hoạch, thuyết minh tổng hợp, Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện và các văn bản kèm theo.

2. Nội dung quy hoạch:

2.1. Vị trí, quy mô ranh giới quy hoạch:

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Giang được lập trên diện tích tự nhiên của huyện Ninh Giang sau khi điều chỉnh địa giới hành chính 13.683,19ha (bao gồm 01 thị trấn và 19 xã).

Ranh giới quy hoạch có tiếp giáp:

- Phía Bắc giáp huyện Gia Lộc, huyện Tứ Kỳ;
- Phía Nam giáp huyện Quỳnh Phụ - tỉnh Thái Bình;
- Phía Đông giáp huyện Tứ Kỳ;
- Phía Tây giáp huyện Thanh Miện.

2.2. Tính chất quy hoạch vùng huyện:

- Là vùng huyện của tỉnh Hải Dương với các ngành kinh tế chủ đạo theo hướng ưu tiên: Sản xuất nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ; Công nghiệp có công nghệ tiên tiến, công nghiệp phụ trợ và công nghiệp chế biến; dịch vụ, thương mại; Các ngành nghề phụ trợ: chế biến nông sản, du lịch...

- Là vùng có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa phía Nam của tỉnh Hải Dương. Đầu mối giao thông trung chuyển, giao lưu kinh tế xã hội của tỉnh Hải Dương với thành phố Hải Phòng và tỉnh Thái Bình.

2.3. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng:

a) Dự báo tăng trưởng kinh tế:

- Đến năm 2030: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt 15%/năm. Cơ cấu lao động trong ngành Nông, lâm, thủy sản - Công nghiệp, xây dựng - Dịch vụ tương ứng 35% - 40% - 25%. Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 110 tr.đ/ng/năm.

- Đến năm 2050: Cơ cấu lao động trong ngành Nông, lâm, thủy sản - Công nghiệp, xây dựng - Dịch vụ tương ứng 20% - 49,5% - 30,5%.

b) Dự báo phát triển dân số, lao động:

- Dân số hiện trạng toàn huyện cuối năm 2020: 148.353 người.

- Dự báo đến năm 2030 dân số toàn huyện khoảng 185.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 100.500 người, chiếm tỷ lệ 54,32%.

- Dự báo đến năm 2050 dân số toàn huyện khoảng 208.700 người, trong đó dân số đô thị khoảng 151.500 người, chiếm tỷ lệ 72,59%.

- Dự kiến lực lượng lao động chiếm 60% - 70% tổng dân số toàn huyện.

2.4. Định hướng phát triển không gian vùng:

a) Định hướng phát triển đô thị:

- Xây dựng phát triển đô thị theo hướng đô thị dịch vụ phục vụ công nghiệp, đô thị xanh, sinh thái, thông minh, hiện đại có diện tích phù hợp và có nét đặc trưng riêng để phục vụ đời sống nhân dân.

- Phát triển mạng lưới đô thị theo hướng đa cực, đa trung tâm và theo các trục không gian quan trọng theo từng giai đoạn.

- Quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị đồng bộ với sự phát triển kinh tế - xã hội, dự kiến phát triển các đô thị mới phù hợp theo định hướng chung của huyện, của tỉnh theo từng giai đoạn như sau:

- + Giai đoạn đến 2030: Xây dựng, nâng cấp 07 xã trở thành đô thị loại V gồm: Đồng Tâm, Vĩnh Hòa, Tân Hương, Nghĩa An, Ứng Hòa, Hồng Đức, Hưng Long. Nâng cấp thị trấn Ninh Giang mở rộng lên đô thị loại IV. Toàn huyện có 08 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 54,32%.

- + Giai đoạn 2030 - 2050: Xây dựng, nâng cấp thêm 05 xã trở thành đô thị loại V gồm: Tân Quang, An Đức, Tân Phong, Hồng Phúc, Ninh Hải. Xây dựng huyện Ninh Giang trở thành đô thị loại IV thuộc tỉnh. Toàn huyện có 13 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 72,59%.

b) Định hướng tổ chức không gian vùng:

- Tổ chức tổng thể không gian vùng huyện theo mô hình 1 đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh cùng với hệ thống các trục vành đai phát triển. Trong đó: Hệ thống đô thị Ninh Giang phát triển treo 02 trục lớn: Trục phía Đông dọc theo Quốc lộ 37 phát triển dịch vụ công cộng, dịch vụ thương mại, đô thị mới; trục phía Tây dọc theo tuyến giao thông Bắc - Nam phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị mới. Lấy thị trấn Ninh Giang làm hạt nhân phát triển không gian phía Đông Nam của huyện, từ đó lan tỏa ra phía Bắc; Các đô thị phát triển lan tỏa ra xung quanh thông qua các trục đường chính (Quốc lộ 37; trục Bắc - Nam và trục Đông - Tây mới...).

- Định hướng phát triển theo 4 vùng không gian:

- + Vùng 1: Vùng trung tâm huyện là Trung tâm hành chính, văn hóa, dịch vụ thương mại, công cộng đô thị;

- + Vùng 2: Vùng đô thị mới phát triển dọc trục Quốc lộ 37 và trục Đông Tây huyện;

- + Vùng 3: Vùng đô thị mới phát triển dọc trục đường Bắc Nam và Tỉnh lộ 396 phát triển công nghiệp - dịch vụ, thương mại - đô thị mới, một phần duy trì phát triển nông nghiệp;

- + Vùng 4: Vùng nông nghiệp hữu cơ, sạch, nghỉ dưỡng.

c) Định hướng quy hoạch mạng lưới dân cư:

- Khu dân cư đô thị:

+ Các khu dân cư mới được phát triển tập trung thành các khu lớn tại vùng trung tâm huyện, vùng dọc Quốc lộ 37 và dọc trục đường Bắc Nam, Tỉnh lộ 396. Ngoài ra phát triển các cụm dân cư nhỏ lẻ xen kẽ trong các khu dân cư hiện hữu, đáp ứng nhu cầu ở cho huyện Ninh Giang.

Đồng thời để đáp ứng đa dạng nhu cầu về quỹ đất ở, hướng tới tiêu chí đô thị xanh - sinh thái, định hướng xây dựng các khu dân cư, đô thị xanh ven các tuyến sông Đĩnh Đào, sông Cửu An, sông Cầu Rằm...

+ Khu dân cư nông thôn phát triển lên đô thị: Cải tạo chỉnh trang đô thị cho phù hợp định hướng phát triển.

- Khu dân cư nông thôn:

Giai đoạn đến năm 2030, tiếp tục đầu tư xây dựng các xã trong huyện nâng cao chất lượng 18 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao. Sau năm 2030, 100% các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới phát triển bền vững, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp.

Phát triển các điểm dân cư theo các cụm dân cư trong thôn và tại khu vực dọc đường huyện, trực liên xã kết hợp với các điểm dịch vụ thương mại, công nghiệp... bám sát cấu trúc làng xã hiện hữu. Tổ chức các khu ở công nhân gắn với các không gian phát triển công nghiệp.

d) Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội:

- Hệ thống công trình giáo dục, y tế:

+ Duy trì, cải tạo mở rộng các cơ sở giáo dục từ bậc mầm non, tiểu học, phổ thông, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới các hoạt động giáo dục đào tạo đảm bảo 100% các trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị giảng dạy.

+ Cơ sở vật chất ngành y được củng cố, 100% trạm y tế xã trong huyện được cải tạo nâng cấp hoặc xây mới đảm bảo đạt chuẩn. Nâng cao chất lượng y tế, khuyến khích xã hội hóa ngành y tế để phát triển hệ thống y tế công lập và ngoài công lập.

- Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao:

+ Đầu tư xây dựng hoàn thiện khu Trung tâm văn hóa thể dục thể thao, quảng trường, công viên giải trí của huyện khu vực trục đường Bắc Nam và thị trấn Ninh Giang để phục vụ nhu cầu nhân dân.

+ 100% các xã có khu văn hóa - thể thao đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao và 100% các thôn có nhà văn hóa - khu thể thao.

e) Định hướng các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

- Định hướng phát triển công nghiệp:

Định hướng quy hoạch đất phát triển công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đến 2050 khoảng 1.403ha. Trong đó tổng diện tích đất phát triển công nghiệp (Khu, cụm công nghiệp tập trung) khoảng 1.256ha. Còn lại là cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và làng nghề nhỏ lẻ.

Quy hoạch, kêu gọi đầu tư các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh. Định hướng phát triển 01 làng nghề tại thị trấn Ninh Giang và quy hoạch 01 làng nghề mộc Cúc Bò - Kiên Quốc, gắn việc phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với việc xây dựng nông thôn mới để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Định hướng phát triển nông nghiệp:

Định hướng đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; Khuyến khích nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị sản phẩm và phát triển bền vững.

Quy hoạch đất nông nghiệp theo từng giai đoạn:

+ Giai đoạn đến 2030 dự báo tổng diện tích đất nông nghiệp còn 6.770ha (giảm 2.171ha). Duy trì diện tích đất trồng lúa khoảng 4.426ha. Khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa khoảng 4.201ha.

+ Giai đoạn 2030-2050 dự báo diện tích đất nông nghiệp còn 5.875ha (giảm 922ha). Duy trì diện tích đất lúa khoảng 3.679ha. Khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa khoảng 3.454ha.

Trong đó trồng lúa áp dụng công nghệ mang lại giá trị cao gồm 6 khu vực có diện tích khoảng 1.670ha; Quy hoạch các vùng chuyên canh rau màu kết hợp xen canh vùng trồng lúa, đầu tư phát triển rau màu chất lượng cao tại phía Tây Bắc xã Văn Hội; Duy trì ổn định diện tích cây ăn quả, diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2050, phát triển khu sinh thái thủy sản kết hợp du lịch nghỉ dưỡng tại 3 khu vực: phía Nam xã An Đức, phía Nam xã Vạn Phúc và phía Tây Bắc xã Tân Hương, phía Đông xã Vĩnh Hòa; Phát triển mô hình chăn nuôi tập trung gắn liền với khu vực thủy sản, vùng chăn nuôi tập trung khoảng 69ha phân bổ tại 05 khu vực, bố trí 02 điểm giết mổ tập trung tại xã Đồng Tâm và Tân Quang.

- Định hướng phát triển thương mại dịch vụ du lịch: Cải tạo các chợ hiện có và phát triển thêm 2 chợ nâng tổng số chợ tại huyện Ninh Giang lên 20 chợ. Tập trung xây dựng mới hệ thống siêu thị và phát triển các cửa hàng OCOP tại khu vực thị trấn Ninh Giang, Hồng Đức, Hồng Dụ, Nghĩa An, Vĩnh Hòa, Hưng Long và 01 khu dịch vụ, giải trí, thể thao và du lịch tại xã An Đức. Nâng cao

chất lượng các ngành dịch vụ như: dịch vụ viễn thông, dịch vụ tài chính, dịch vụ sửa chữa, dịch vụ vận tải, logistics, văn hóa giải trí và lưu trú...

- Định hướng phát triển du lịch theo tuyến: Du lịch làng nghề kết hợp du lịch tâm linh và các công trình di tích lịch sử như Chùa Trông, Đền Tranh, đền Khúc Thừa Dụ, đình Trịnh Xuyên... gắn kết các tuyến du lịch sinh thái với quảng bá, phát triển sản phẩm địa phương.

2.5. Dự báo quy hoạch sử dụng đất toàn huyện:

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng	QH năm 2030	QH năm 2050
		ha	ha	ha
	Tổng Diện tích tự nhiên	13.683,19	13.683,19	13.683,19
A	Đất nông nghiệp	8.968,92	6.797,57	5.875,46
1	Đất trồng lúa	6.285,81	4.426,18	3.679,44
2	Đất trồng cây lâu năm	1.000,79	828,07	748,65
3	Đất nuôi trồng TS	1.493,31	1.304,29	1.243,05
4	Đất nông nghiệp, trồng cây hàng năm khác	189,01	239,03	204,32
B	Đất phi nông nghiệp	4.712,02	6.885,62	7.807,73
1	Đất ở hiện trạng	1.269,05	1.269,05	1.269,05
2	Đất khu ở mới	0,00	766,00	1.263,88
3	Đất công nghiệp, cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	111,05	1.154,28	1.403,28
a	Đất công nghiệp	36,60	1.007,38	1.256,38
b	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	74,45	146,90	146,90
4	Đất thương mại dịch vụ	14,95	177,95	212,95
5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	153,63	168,18	168,18
6	Đất có mục đích công cộng (giao thông, thủy lợi, năng lượng, ...)	2.315,33	2.518,08	2.658,31
7	Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	31,05	33,23	33,23
8	Đất an ninh, quốc phòng	10,63	18,85	18,85
9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	15,31	35,31	35,31
10	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	128,62	144,94	152,19
11	Sông ngòi, kênh rạch	541,00	516,87	504,62
12	Mặt nước chuyên dùng	115,76	77,24	55,12
13	Đất phi nông nghiệp khác	5,64	5,64	5,64
C	Đất chưa sử dụng	2,25	0,00	0,00

2.6. Định hướng quy hoạch hệ thống kỹ thuật hạ tầng:

a) Chuẩn bị kỹ thuật – thoát nước mặt:

- Không chế cốt san nền các khu vực quy hoạch mới phù hợp với cốt hiện trạng của khu vực, phù hợp với từng loại khu chức năng, cao độ từ +2,6m÷3,5m.

- Hệ thống thoát nước mặt được phân làm 4 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc kênh Hồng Đức. Hướng dốc chính đổ về phía Bắc ra sông Đinh Đào. Dự kiến nâng cấp và di chuyển trạm bơm Ninh Hoà ra giáp đê. Lưu vực thoát nước được điều tiết bởi trạm bơm tiêu chính Ứng Hòe, Ninh Hoà, Hồng Đức.

+ Lưu vực 2: Khu vực Bắc sông Cửu An đến phía Nam kênh Hồng Đức. Hướng dốc chính đổ ra sông Cửu An. Lưu vực được điều tiết bởi các trạm bơm: An Cư, Dốc Bùng 2, An Đức. Dự kiến cải tạo trạm bơm Dốc Bùng 2, cống Cổ Lôi, Xây mới trạm bơm Di Linh.

+ Lưu vực 3: Khu vực phía Bắc tỉnh lộ 396 và phía Nam sông Cửu An. Hướng dốc chính đổ ra sông Cửu An, sông Dầm. Lưu vực được điều tiết bởi các trạm bơm: Bùi Hoà, Cống Lê, Xuyên Hử. Tiêu thoát cục bộ được điều tiết bởi các trạm bơm do địa phương quản lý.

+ Lưu vực 4: Khu vực phía Nam tỉnh lộ 396. Hướng dốc chính đổ ra sông Luộc, sông Rùa và được điều tiết bởi các trạm bơm tiêu chính Cổ Ngựa, Hào Khê, Hiệp Lễ, Cống Sao 1.

b) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Giữ nguyên quy mô QL. 37; cải tạo mở rộng các tuyến Tỉnh lộ 392, 396, 396B, 391 toàn tuyến đạt quy mô đường cấp III đồng bằng, lộ giới 45m (đoạn qua khu dân cư hiện có lộ giới 25-33m, đoạn không qua khu dân cư lộ giới 45m).

+ Quy hoạch mới một số tuyến: Trục Bắc Nam tỉnh; đường dẫn cầu An Đồng; đường Vành đai V thủ đô qua huyện Ninh Giang; Trục Đông Tây huyện (từ xã Ngũ Hùng qua Tân Quang, Tân Phong, Đông Xuyên, Tân Hương, Vĩnh Hòa và định hướng kết nối với trục Đông Tây của tỉnh trên địa bàn huyện Tứ Kỳ với quy mô đường cấp III đồng bằng);

- Đường huyện: cải tạo mở rộng các tuyến hiện có đạt quy mô đường cấp IV. Định hướng cải tạo nâng cấp và quy hoạch một số tuyến đường huyện: Tuyến Hồng Đức - Ứng Hòe: từ TL. 392 đến đường ven sông Đinh Đào xã Ứng Hòe. Cải tạo nâng cấp và quy hoạch mới một đoạn cho các tuyến đường huyện: Hồng Phúc - Tân Phong, Khúc Thừa Dụ - Tân Phong, Văn Hội - Tân Quang.

- Cải tạo nâng cấp mở rộng kết hợp vác tuyến đê tạo tuyến đường ven sông Đinh Đào, sông Cửu An và sông Luộc với mặt cắt 9,5m.
- Nâng cấp cải tạo các tuyến đường xã, đường thôn.
- Giao thông tỉnh: duy trì Bến xe khách Ninh Giang và quy hoạch mới 01 bến xe khách phía Tây (ven trục đường Bắc Nam).
- Giao thông đường thủy: khai thác và phát triển hệ thống giao thông thủy trên các tuyến sông, bố trí các bến thủy nội địa theo quy hoạch bến thủy nội địa.

c) Hệ thống cấp nước:

Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2030 khoảng 38.149 m³/ng.đ, đến năm 2050 khoảng 60.153 m³/ng.đ. Nguồn nước từ các trạm cấp nước thị trấn Ninh Giang (cải tạo, nâng cấp công suất lên 25.000 m³/ng.đ), trạm Hưng Long (quy hoạch mới đến năm 2030 công suất 15.000 m³/ng.đ, đến năm 2050 công suất 40.000 m³/ng.đ). Quy hoạch mới 02 trạm bơm tăng áp Hưng Long, Hồng Dụ; đến năm 2030 cải tạo chuyển đổi các trạm cấp nước hiện có Tân Hương, Ứng Hòa thành trạm bơm tăng áp.

Thiết kế mạng lưới cấp nước: các tuyến ống cấp I (D≥300) chạy dọc Quốc lộ 37, trục Bắc Nam, phân phối tới các đường ống cấp II (D<300) cấp nước đến mạng lưới dịch vụ cấp nước cho các khu vực quy hoạch.

d) Hệ thống thoát nước thải, rác thải và vệ sinh môi trường, nghĩa trang:

- Nước thải sinh hoạt: Xây dựng mới và hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại chỗ trong các đô thị, Khu dân cư đô thị tập trung với mật độ dân cư cao... Dự kiến thiết kế hệ thống thoát nước hỗn hợp gồm thoát nước mưa riêng cho khu dân cư đô thị hiện hữu, thoát nước riêng cho khu dân cư đô thị mới. Đối với khu vực nông thôn: từng bước đầu tư hệ thống thu gom và tiêu thoát. Hệ thống nước thải đô thị và nông thôn được thu gom về các trạm xử lý nước thải cấp vùng dự kiến tại 5 vị trí: Thị trấn Ninh Giang, xã Nghĩa An, Ninh Hải, An Đức, Hồng Phong với tổng công suất xử lý đến năm 2030 khoảng 21.500 m³/ng.đ, đến năm 2050 khoảng 36.000 m³/ng.đ.

- Nước thải công nghiệp và nước thải Y tế: được thu gom và xử lý riêng theo quy định.

- Rác thải sinh hoạt được thu gom chuyển đi trong ngày. Quy hoạch, xây dựng khu xử lý rác thải tập trung tại khu xã Tân Quang (kết hợp với xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện), quy mô khoảng 20ha để xử lý rác cho toàn huyện và một số địa phương lân cận.

e) Cung cấp năng lượng:

- Cấp điện: Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2030 khoảng 423.365kVA; đến năm 2050 khoảng 589.332kVA. Nguồn điện 110KV cấp cho huyện Ninh

Giang từ lộ 173-E8.11 cấp đến các trạm TBA 110KV: Nghĩa An (nâng cấp), Hưng Long, Hồng Đức, Vĩnh Hòa, Hồng Dụ (quy hoạch mới).

Xây dựng các tuyến đường dây 220kV, 110kV, 35kV theo quy hoạch đảm bảo phục vụ nhu cầu của huyện.

- Các nguồn năng lượng khác: nguồn xăng dầu, khí đốt, quy hoạch hệ thống cửa hàng kinh doanh xăng dầu phù hợp với quy hoạch của tỉnh, cải tạo, mở rộng hoặc di chuyển xây mới các cửa hàng xăng dầu đảm bảo các quy định về kinh doanh và an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông đường bộ.

f) Hệ thống Viễn thông:

- Bưu chính: Duy trì số lượng bưu cục tại các trung tâm xã, thị trấn và các trung tâm đô thị; nâng cấp thiết bị hiện đại, linh hoạt sử dụng.

- Viễn thông: Sử dụng mạng đa dịch vụ, mở rộng mạng thông tin di động. Nâng cấp các tổng đài vệ tinh tại những vùng có nhu cầu dịch vụ mới. Nâng cấp các thiết bị truyền dẫn, bổ sung các tuyến cáp quang đáp ứng nhu cầu sử dụng.

2.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đề ra mục tiêu đảm bảo phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ môi trường; Đánh giá xu hướng diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch với các tác động tích cực tạo ra bởi việc hình thành và phát triển đô thị và một số tác động tiêu cực; Đảm bảo mục tiêu đánh giá, bảo vệ môi trường để phát triển bền vững trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa tại huyện Ninh Giang.

- Định hướng các giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường, các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đảm bảo tối thiểu hóa mức rủi ro; các giải pháp trong quản lý bảo vệ môi trường.

2.8. Các khu vực phát triển đô thị, chương trình, dự án ưu tiên thực hiện:

Xác định các khu vực phát triển đô thị, chương trình, dự án ưu tiên đầu tư cho các giai đoạn để thực hiện quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển.

** Nội dung quy hoạch và các chỉ tiêu chi tiết tại hồ sơ Thuyết minh và phương án Quy hoạch kèm theo.*

3. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Nội dung chi tiết tại Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn lập, Sở Xây dựng thẩm định kèm theo.

4. Nội dung liên quan:

Giao cho UBND huyện Ninh Giang khẩn trương lập quy hoạch chung xây dựng các xã nông thôn đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt, tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định để làm cơ sở tổ chức lập

quy hoạch chi tiết xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện. Giám sát việc thực hiện xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Giao cho UBND huyện Ninh Giang chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố quy hoạch được duyệt đảm bảo đúng thời gian theo quy định; Thực hiện quản lý quy hoạch theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hóa thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ninh Giang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Minh (10b).

**T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Triệu Thế Hùng

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng mở rộng
thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định
số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số
44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 và các quy định hiện hành khác có
liên quan;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Hải Dương tại Tờ trình số
111/TTr-SXD ngày 30 tháng 9 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang đến năm 2035 (Hồ sơ do Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn lập, Sở Xây dựng thẩm định trình phê duyệt), với các nội dung chính sau:

1. Hồ sơ

- Tên đồ án: Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang đến năm 2035.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Ninh Giang

- Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty CP kiến trúc quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn Hải Dương.

- Thời hạn quy hoạch: quy hoạch đến năm 2035.

2. Vị trí, quy mô quy hoạch:

a) Vị trí, phạm vi, ranh giới: Thị trấn Ninh Giang mở rộng nằm ở phía Đông Nam huyện Ninh Giang, phạm vi nghiên cứu quy hoạch gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Ninh Giang và mở rộng một phần diện tích sang các xã Hiệp Lực, Hồng Dụ, Đồng Tâm, Vĩnh Hòa. Ranh giới có tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: giáp xã Tân Hương - Huyện Ninh Giang;
- Phía Nam: giáp huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Phía Đông: giáp xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ; huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Phía Tây: giáp xã Hồng Dụ, xã Hiệp Lực - huyện Ninh Giang.

b) Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 1.000,68ha.

(Tăng khoảng 30,13 ha so quy hoạch đã được duyệt).

Bao gồm: thị trấn Ninh Giang, xã Đồng Tâm và một phần diện tích các xã Vĩnh Hòa, Hiệp Lực, Hồng Dụ.

c) Quy mô dân số dự báo:

- Dân số hiện trạng năm 2020 khoảng 15.681 người.
- Dự báo quy mô dân số đô thị (bao gồm dân số tự nhiên và cơ học) đến năm 2035 khoảng 30.000 người.

(Quy mô diện tích, dự báo dân số theo các giai đoạn sẽ được đề xuất cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch)

3. Tính chất, chức năng đô thị

Thị trấn Ninh Giang là trung tâm tổng hợp cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ, trung tâm hành chính cấp huyện, đầu mối giao thông; Có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện và khu vực.

Thị trấn Ninh Giang được xác định trước năm 2030 là đô thị loại IV trong hệ thống đô thị tỉnh Hải Dương.

4. Mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch nhằm đáp ứng được yêu cầu, định hướng phát triển của thị trấn Ninh Giang mở rộng, của huyện Ninh Giang, của vùng và của Tỉnh;
- Xây dựng thị trấn Ninh Giang mở rộng trở thành đô thị trung tâm cấp huyện phát triển về kinh tế, tài chính, văn hóa...; Có sức hấp dẫn lớn về đầu tư, có tính cạnh tranh cao trên một số lĩnh vực dịch vụ thương mại, công nghiệp; Phát triển bền vững, hài hòa với môi trường. Giữ vai trò là đô thị hạt nhân, động lực phát triển kinh tế xã hội của huyện Ninh Giang.
- Tạo môi trường sống và làm việc cho người dân với đầy đủ các tiện ích và dịch vụ đô thị cho nhu cầu trước mắt và đáp ứng được trong tương lai. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng kiến trúc cảnh quan đô thị.

- Xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh theo tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2030.

- Tăng cường quản lý, thu hút đầu tư, tạo nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ và hiện đại.

- Làm cơ sở pháp lý để định hướng và quản lý xây dựng theo quy hoạch, hình thành các chương trình, dự án đầu tư xây dựng.

5. Nhiệm vụ chủ yếu của đồ án.

- Điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; Dân số, lao động; Sử dụng đất đai; Hiện trạng về xây dựng; Lịch sử, văn hóa, du lịch, dịch vụ, cảnh quan thiên nhiên; Cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường đô thị. Khảo sát đo đạc bổ sung bản đồ địa hình phục vụ công tác lập quy hoạch và quản lý quy hoạch.

- Đánh giá việc thực hiện các Quy hoạch chung xây dựng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được phê duyệt đến thời điểm lập quy hoạch điều chỉnh.

- Xác định tiềm năng, động lực phát triển đô thị; tính chất, mục tiêu quy hoạch; dự báo quy mô dân số lao động và quy mô đất đai xây dựng đô thị; Xác định các chỉ tiêu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu cho các giai đoạn phát triển đô thị.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch; Đề xuất định hướng phát triển không gian đô thị, định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và đánh giá môi trường chiến lược.

- Đề xuất nội dung quy hoạch xây dựng đợt đầu (đến năm 2025); Các dự án ưu tiên đầu tư tạo động lực phát triển đô thị và đề xuất các chính sách, giải pháp về nguồn lực thực hiện.

- Nghiên cứu thiết kế đô thị bao gồm các nội dung: Nghiên cứu các vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị, đề xuất tổ chức không gian cho các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường lớn, không gian cây xanh, mặt nước và các điểm nhấn trong đô thị.

- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch làm căn cứ pháp lý để quản lý thực hiện theo quy hoạch.

- Trình tự thực hiện, nội dung, quy cách hồ sơ và các nội dung cụ thể khác theo quy định của Luật quy hoạch đô thị và Nghị định 37/2010/NĐ-CP.

6. Các Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

Quy hoạch áp dụng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất cho đất xây dựng đô thị đối với đô thị loại IV đồng bằng.

Các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành.

7. Thành phần hồ sơ:

a) Bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng - tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/50.000.
- Bản đồ hiện trạng gồm: hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bản, thu gom chất thải rắn, nghĩa trang - tỷ lệ 1/5.000;
- Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất đai xây dựng - tỷ lệ 1/5.000.
- Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (tối thiểu 02 phương án. Sơ đồ này chỉ dùng khi nghiên cứu báo cáo, không nằm trong hồ sơ trình phê duyệt).
- Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị - tỷ lệ 1/5.000.
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch - tỷ lệ 1/5.000.
- Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.
- Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: Hệ thống giao thông, chuẩn bị kỹ thuật, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải và VSMT - tỷ lệ 1/5.000.
- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

b) Văn bản:

- Tờ trình, thuyết minh, phụ lục, báo cáo...
- Các văn bản giải trình, văn bản pháp lý có liên quan.
- Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị.

c) Yêu cầu về hồ sơ:

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ A3, in màu;
- Bản đồ dùng báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu theo tỉ lệ 1/25.000;
- Hồ sơ trình duyệt lập thành 05 bộ in màu theo tỷ lệ, kèm theo 05 bộ hồ sơ màu in khổ A0 (chủ đầu tư, các cơ quan thẩm định quản lý), đĩa CD ghi toàn bộ nội dung bản vẽ và các văn bản liên quan.
- Hồ sơ quy hoạch được lập theo thông tin địa lý (GIS) để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quy hoạch của tỉnh.

* Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

** Các nội dung chi tiết tại hồ sơ Nhiệm vụ Quy hoạch kèm theo.*

8. Tổ chức thực hiện.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Ninh Giang.
- Đơn vị tư vấn khảo sát, lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thời gian tổ chức lập Quy hoạch chung là 09 tháng tính từ ngày ký kết hợp đồng với Đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch; phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai tổ chức lập, trình duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang đến năm 2035 đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương; Chủ tịch UBND huyện Ninh Giang, Chủ tịch UBND thị trấn Ninh Giang, các xã: Đồng Tâm, Vĩnh Hòa, Hiệp Lực, Hồng Dụ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Minh (10b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản